

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 31/2022/HS-ST

Ngày 14 - 7 - 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tý

Bà Lê Kim Thủy

Bà Đặng Hồng Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lê Ngọc Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

Triệu Việt U, sinh năm 1975 tại huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị N (chết); có vợ là Lê Thị Mỹ L và 01 người con (sinh năm 2001); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Đã từng có 02 tiền án đều đã được xóa án tích (ngày 16 tháng 3 năm 1993 bị Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ (cũ) xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 12 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam; ngày 29 tháng 6 năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản); bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Phúc D - Luật sư của Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1969
 2. Nguyễn Thế L, sinh năm 1968
- Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Cùng có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Lê Trường H, sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
 2. Lê Văn Trường H1, sinh năm 1975
Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
 3. Lê Hoàng Ph, sinh năm 1976
Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
 4. Nguyễn Hữu Mn, sinh năm 1960
Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
 5. Nguyễn Văn L, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
 6. Phan Thanh H2, sinh năm 1955
Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
 7. Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1972
Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.
 8. Trần Trọng H2, sinh năm 1983
Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.
- *Người làm chứng:* Nguyễn Thị Bích H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Việt U là người làm môi giới mua bán đất. Quá trình làm công việc môi giới, khoảng tháng 4 năm 2020 U có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản phô tô) thửa đất số 3387, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang do ông Võ Văn B đứng tên nên nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để tìm người bán đất lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến tháng 5 năm 2020, U gặp Lê Văn Trường H1, đưa bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B cho H1 xem và nhờ H1 tìm người bán, nếu bán được thì U sẽ cho tiền huê hồng và dẫn H1 đi xem đất. H1 tin tưởng đất trên là của U nên giới thiệu cho Lê Trường H gặp U để trao đổi mua bán đất, H tin tưởng và đồng ý mua đất của U với giá 470.000.000 đồng, H đặt cọc cho U số tiền 20.000.000 đồng, đồng thời thỏa thuận khi nào tìm được người bán lại đất thì U phải trực tiếp giao dịch mua bán và làm thủ tục sang tên. Sau đó, H nhờ H1 tìm người để bán lại miếng đất trên nhằm hưởng tiền lời chênh lệch.

Đến ngày 10 tháng 6 năm 2020, bà Nguyễn Thị Ngọc M gặp Lê Văn Trường H1 hỏi mua đất thì được H1 trả lời: “Có người bạn có miếng đất bán với giá 600.000.000 đồng”. Sau đó, H1 dẫn bà M đi xem đất rồi gặp U và H tại quán cà phê N thuộc thị trấn N, huyện C để thỏa thuận giá. Khi gặp bà M, U nói đất này là của U mua của người khác nay muốn bán lại, do tin tưởng nên bà M thỏa thuận mua với giá 520.000.000 đồng thì U đồng ý bán. Sau khi thỏa thuận xong, bà M đặt cọc cho U số tiền 50.000.000 đồng và làm hợp đồng đặt cọc do H viết, H1 ký tên người làm chứng. U thỏa thuận với bà M nhận làm toàn bộ giấy tờ sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M trong thời gian 02 tháng, khi nào có giấy sẽ đưa đủ số tiền còn lại. Sau khi nhận tiền nhận cọc 50.000.000 đồng, U đưa cho H, H cho lại U 10.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 8 năm 2020, thấy U chưa giao giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà M liên lạc với U thì U đề nghị đưa thêm 25.000.000 đồng để lên thổ cư mới làm được giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà M, bà M đồng ý. Sau đó, ông Nguyễn Thê L, (chồng của bà M) trực tiếp đưa cho U số tiền 25.000.000 đồng, U cho lại ông L 5.000.000 đồng, cho H1 5.000.000 đồng, U lên mạng xã hội Facebook thuê người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 7.000.000 đồng.

Khoảng 02 tuần sau, U nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BD 450768, thửa đất số 33887, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, diện tích 203 m² do bà Nguyễn Thị Ngọc M đứng tên từ một người lạ làm shipper giao (không rõ thân nhân, lý lịch). U hẹn bà M để giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà M đồng ý và hẹn gặp U tại nhà em gái là Nguyễn Thị Bích H tại phường C, quận N, thành phố Cần Thơ để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao số tiền còn lại là 470.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, U đưa cho H1 22.000.000 đồng (H1 giữ 2.000.000 đồng và đưa H 20.000.000 đồng, là tiền H đã cọc mua đất của U trước đó), số tiền còn lại là 450.000.000 đồng U sử dụng mua đất, trả nợ, sửa nhà và tiêu xài cá nhân.

Tại Kết luận giám định số 854/GĐ-PC09 ngày 10/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hậu Giang kết luận:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Hoàng A trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Hoàng A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với hình dấu tròn trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2 đến M6 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Phôi “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số: BD450768 ký hiệu A là phôi giả.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm có:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu xanh dương, số Sêri: R58N90V5VTZ, số IMEI (Khe 1): 351662615280155, đã qua sử dụng.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị Ngọc M, số BD 450768, thửa đất số 33887, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, diện tích 203 m².

- Tiền Việt Nam: 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng), trong đó: Lê Trường H giao nộp 50.000.000 đồng, Lê Văn Trường H1 giao nộp 22.000.000 đồng, Nguyễn Hữu M giao nộp 15.000.000 đồng, Nguyễn Thế L giao nộp 5.000.000 đồng, Nguyễn Thị Ngọc M giao nộp 5.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Bà Lê Thị Mỹ L1 (là vợ của Triệu Việt U) nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-P1 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, đã truy tố Triệu Việt Út về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội; nhân thân của bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Việt U phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo mức án tù 12 đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 03 đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành từ 15 đến 17 năm tù cho cả hai tội.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 545.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và

Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị Ngọc M, số BD 450768, thửa đất số 33887, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, diện tích 203 m².

Giao trả cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu xanh dương, số Sêri: R58N90V5VTZ, số IMEI (Khe 1): 351662615280155, đã qua sử dụng.

Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang tiếp tục quản lý số tiền 97.000.000đ do Lê Trường H, Lê Văn Trường H1, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị Ngọc M giao nộp và số tiền 5.000.000 đồng do Lê Thị Mỹ L1 giao nộp khắc phục hậu quả để xử lý trong quá trình thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền đã chiếm đoạt là 545.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Lê Thị Mỹ L1 cho rằng số tiền 5.000.000 đồng bà giao nộp cho Cơ quan điều tra là do bà tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, bà không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo, thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã ăn năn hối cải, các bị hại cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với kết quả giám định và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó đã có cơ sở kết luận:

Bị cáo Triệu Việt U là người làm môi giới mua bán đất. Quá trình làm công việc môi giới, khoảng tháng 4 năm 2020 bị cáo có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản phô tô) của ông Võ Văn B nên nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này để tìm người bán đất lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau đó, bị cáo thỏa thuận bán cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc M với số tiền 520.000.000 đồng và nhận cọc trước số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời bị cáo nhận làm toàn bộ giấy tờ sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị hại rồi thông báo cho bị hại biết thủ tục sang tên cần phải làm thủ tục chuyển thổ cư với giá 25.000.000 đồng, do tin tưởng nên bị hại giao thêm cho bị cáo số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo đã thuê người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đứng tên bị hại Nguyễn Thị Ngọc M thông qua mạng xã hội Facebook. Sau khi có được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo giao cho bị hại và nhận số tiền còn lại là 470.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 545.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo cho Lê Trường H 50.000.000 đồng, cho Nguyễn Thế L 5.000.000 đồng, đưa cho Lê Văn Trường H1 22.000.000 đồng, còn lại bị cáo sử dụng trả nợ, mua đất, sửa nhà và tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo là sử dụng thủ đoạn gian dối bằng việc sử dụng tài liệu (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) giả của cơ quan, tổ chức làm cho bị hại tin tưởng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật nên đã tự nguyện giao tài sản cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm 02 khách thể khác nhau được Bộ luật hình sự bảo vệ là quyền sở hữu tài sản trị giá 545.000.000 đồng và trật tự quản lý hành chính, đồng thời bị cáo đã sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung là “Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bị cáo thuê người khác làm giả thông qua mạng xã hội Facebook, nhưng không xác định được hành vi cũng như nhân thân, lai lịch của đối tượng làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo nên chưa có căn cứ xem xét trách nhiệm hình

sự của bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo:

Để chiếm đoạt được tài sản của bị hại, bị cáo đã dùng thủ đoạn thuê người làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng tài liệu giả này để lừa dối, làm cho bị hại tin tưởng là tài liệu thật nên đã tự nguyện giao tài sản cho bị cáo chiếm đoạt, với giá trị tài sản chiếm đoạt là 545.000.000 đồng, thể hiện phương thức, thủ đoạn phạm tội liêu lĩnh, tinh vi. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo sử dụng để mua đất, trả nợ, sửa nhà và tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác cũng như trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức cũng như thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả hai tội.

Tại phiên tòa, các bị hại cùng yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đối số tiền 5.000.000 đồng do gia đình bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả là không đáng kể so với thiệt hại xảy ra nên không đủ điều kiện được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, nhưng cần cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cần xem xét cho bị cáo hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[6] Từ những phân tích về tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng; xét lời đề nghị của người bào chữa cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là thuộc trường hợp nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, thể hiện phương thức, thủ đoạn phạm tội liêu lĩnh, tinh vi; về nhân thân bị cáo đã từng có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Trốn khỏi nơi giam”, sau khi chấp hành án xong và đã được xóa án tích, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tính chất, mức độ cao hơn, thể hiện ý thức xem thường chế tài của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của

người bào chữa, đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị, mà cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, xét bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 01 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả hai tội; 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cần cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, với mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 545.000.000 đồng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, quá trình điều tra các ông, bà Lê Trường H, Lê Văn Trường H1, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị Ngọc M đã giao nộp số tiền được bị cáo cho từ số tiền thu lợi bất chính là 97.000.000 đồng; bà Lê Thị Mỹ L1 tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng khắc phục hậu quả thay cho bị cáo nên cần khấu trừ số tiền này và buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 443.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận đã dùng một phần số tiền chiếm đoạt chi trả tiền công xây nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các ông, bà Ung Văn Đ, Trần Trọng H, Nguyễn Văn L, Phan Thanh H và Lê Hoàng Ph, nhưng không chứng minh được số tiền bị cáo chi trả cho những người này là khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại nên không có căn cứ buộc những người này giao trả số tiền đã nhận từ bị cáo.

[8] Về vật chứng:

Đối với vật chứng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị Ngọc M, số BD 450768, thửa đất số 33887, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, diện tích 203 m² là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi sử dụng tài liệu giả nên cần lưu giữ hồ sơ làm chứng cứ của vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu xanh dương, số Sêri: R58N90V5VTZ, số IMEI (Khe 1): 351662615280155, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, không chứng minh được có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần giao trả cho bị cáo.

Đối với số tiền 97.000.000đ do các ông, bà Lê Trường H, Lê Văn Trường H1, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị Ngọc M giao nộp là tài sản do bị cáo chiếm đoạt và số tiền 5.000.000 đồng do bà Lê Thị Mỹ L1 giao nộp

khắc phục hậu quả nên cần tiếp tục giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang quản lý để xử lý trong quá trình thi hành án về trách nhiệm dân sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Triệu Việt U phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 113, 119 và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Triệu Việt U 13 (mười ba) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 13 tháng 7 năm 2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 (bốn mươi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án (14/7/2022) để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Triệu Việt U bồi thường cho các bị hại Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thế L số tiền là 545.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng), khấu trừ số tiền 102.000.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu đồng) do các ông, bà Lê Trường H, Lê Văn Trường H1, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Thế L, Nguyễn Thị Ngọc M và Lê Thị Mỹ L1 giao nộp, bị cáo còn phải bồi thường số tiền là 443.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thế L được quyền liên hệ với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang để nhận số tiền 102.000.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu đồng) do các ông, bà Lê Trường H, Lê Văn Trường H1, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Thế L, Nguyễn Thị Ngọc M và Lê Thị Mỹ L1 giao nộp.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Lưu giữ hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, tên người sử dụng đất: Nguyễn Thị Ngọc M, số BD 450768, thửa đất số 33887, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: ấp P, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang, diện tích 203 m².

Giao trả cho bị cáo Triệu Việt U 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21S màu xanh dương, số Sêri: R58N90V5VTZ, số IMEI (Khe 1): 351662615280155, đã qua sử dụng (vật chứng đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKSHG-P1 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang).

Giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang tiếp tục quản lý số tiền 102.000.000đ (một trăm lẻ hai triệu đồng) do Lê Trường H, Lê Văn Trường H1, Nguyễn Hữu M, Nguyễn Thế L, Nguyễn Thị Ngọc M và Lê Thị Mỹ L1 giao nộp (Bao gồm: 15.000.000 đồng theo các biên lai thu số 0000156 ngày 17 tháng 02 năm 2022, 0000017 ngày 18 tháng 02 năm 2022, 0000015 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang; 87.000.000 đồng theo Quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKSHG-P1 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang) để chi trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Nguyễn Thế L trong quá trình thi hành án về trách nhiệm dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các điều 21, 23 và 26 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Triệu Việt U phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 21.720.000 đồng (hai mươi một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- CA tỉnh Hậu Giang (CQĐT, PV06, PC10);
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng